

ITW Performance Polymers

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT MA3940 ADHESIVE

PHẦN 1: Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Mã phân loại sản phẩm theo GHS hoặc các nhận dạng khác của sản phẩm/hóa chất {Số CAS; số UN (nếu có); Số đăng ký EC (nếu có); Tên thương mại}

Tên sản phẩm MA3940 ADHESIVE

Mã sản phẩm Z0034

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Mục đích sử dụng Keo.

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối): Tên; địa chỉ; số điện thoại...

Nhà cung cấp ITW Performance Polymers
Bay 150
Shannon Industrial Estate
Co. Clare
Ireland
V14 DF82
353(61)771500
353(61)471285
customerservice.shannon@itwpp.com

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp +44(0)1235 239 670 (24h)

PHẦN 2: Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại theo GHS và thông tin phân loại theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, khu vực, tổ chức thử nghiệm. (Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...)

Nguy hại vật chất Chất lỏng dễ cháy loại 2 - H225

Nguy cơ về sức khỏe Kích ứng da loại 2 - H315 Tác nhân nhạy da loại 1 - H317 Độc tính đến cơ quan cụ thể - phơi nhiễm đơn loại 3 - H335

Nguy cơ về môi trường Không phân loại.

Các yếu tố nhãn theo GHS (Cảnh báo nguy hiểm, hướng dẫn bảo quản, sử dụng..)

Hình đồ cảnh báo



Từ cảnh báo Nguy hiểm

Cảnh báo nguy cơ H225 Hơi và chất lỏng rất dễ cháy.
H315 Gây kích ứng da.
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
H335 Có thể gây kích ứng hô hấp.

MA3940 ADHESIVE

Biện pháp phòng ngừa	<p>P210 Tránh nhiệt, bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa trần và các nguồn phát lửa khác. Không hút thuốc.</p> <p>P261 Tránh hít hơi/ bụi nước.</p> <p>P280 Đeo găng tay/ quần áo/ kính/ mặt nạ bảo hộ.</p> <p>P303+P361+P353 NẾU DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Cởi quần áo nhiễm hóa chất ngay lập tức. Rửa sạch da bằng nước/ tắm.</p> <p>P333+P313 Nếu thấy da bị kích ứng hoặc mắt: Tìm hỗ trợ y tế/ tìm sự trợ giúp.</p> <p>P501 Thải bỏ hóa chất/ bình chứa theo quy định quốc gia.</p>
-----------------------------	--

Bao gồm METHYL METHACRYLATE, 2,2'-[(4-methylphenyl)imino]bisethanol

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ...)

Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất nào được phân loại PBT (bền vững, dễ tích tụ sinh học và độc hại) hoặc vPvB (rất bền vững, rất dễ tích tụ sinh học).

PHẦN 3: Thông tin về thành phần các chất

Hỗn hợp chất

<p>METHYL METHACRYLATE 30-60%</p> <p>Số CAS: 80-62-6</p>
<p>Phân loại</p> <p>Chất lỏng dễ cháy loại 2 - H225</p> <p>Kích ứng da loại 2 - H315</p> <p>Tác nhân nhạy da loại 1 - H317</p> <p>Độc tính đến cơ quan cụ thể - phơi nhiễm đơn loại 3 - H335</p>
<p>2,2'-[(4-methylphenyl)imino]bisethanol 5-10%</p> <p>Số CAS: 3077-12-1</p>
<p>Phân loại</p> <p>Độc cấp tính loại 4 - H302</p> <p>Kích ứng da loại 2 - H315</p> <p>Kích ứng mắt loại 2A - H319</p> <p>Độc tính đến cơ quan cụ thể - phơi nhiễm đơn loại 3 - H335</p>

Văn bản đầy đủ của tất cả các câu cảnh báo nguy hại được hiển thị ở Phần 16.

PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu về y tế

Mô tả các biện pháp tương ứng với các đường phơi nhiễm

Thông tin chung	Avoid contact with eyes. Không hít hơi/ bụi nước. Trong trường hợp tai nạn hay thấy không được khỏe, tìm tư vấn y tế ngay lập tức (cho họ xem nhãn nếu có thể).
Đường thở	Đưa người bị ảnh hưởng đến nơi thoáng khí ngay lập tức. Khi thấy khó thở, người đã qua đào tạo bài bản có thể hỗ trợ người bị ảnh hưởng điều chỉnh oxy. Tìm hỗ trợ y tế nếu sự khó chịu vẫn tiếp tục.
Nuốt phải	Không cố nôn ra. Uống nhiều nước. Tìm hỗ trợ y tế. Không bao giờ được cho bất kỳ thứ gì qua đường miệng cho một người đang bất tỉnh. Không cố nôn ra. Nếu bị nôn mửa, đầu phải được giữ thấp để chất nôn không chảy vào phổi.
Tiếp xúc với da	Đưa người bị ảnh hưởng ra khỏi nguồn gây nhiễm. Rửa sạch da với xà phòng và nước. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.

MA3940 ADHESIVE

Tiếp xúc với mắt Tháo kính áp tròng nếu có và mở to mắt. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút và tìm hỗ trợ y tế. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.

Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này

Thông tin chung Mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng được mô tả sẽ khác nhau tùy thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc.

Các chỉ thị và hướng dẫn cấp cứu đặc biệt cần thiết

Ghi chú cho bác sĩ Không có khuyến nghị cụ thể. Nếu có nghi ngờ, tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.

PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Các phương tiện chữa cháy thích hợp

Các phương tiện chữa cháy thích hợp Dập lửa với bọt, cacbon dioxit hoặc bột khô.

Các chất độc được sinh ra khi bị cháy

Những nguy hại cụ thể Highly flammable Tránh hít khí hoặc hơi cháy. Hơi nặng hơn không khí và có thể lan rộng trên mặt đất và di chuyển một đoạn xa đến một nguồn phát lửa và nổ lan đến điểm xuất phát. Dễ dàng polyme hóa cùng với việc sinh nhiệt.

Phương tiện, trang phục bảo hộ và cảnh báo cần thiết khi chữa cháy

Những hành động bảo vệ khi chữa cháy Keep up-wind to avoid fumes. Không sử dụng bình xịt nước để dập lửa, vì việc này sẽ làm lan rộng đám cháy. Làm mát các thùng chứa tiếp xúc với ngọn lửa bằng nước một lúc lâu sau khi lửa đã được dập.

Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa Đeo bình thở dưỡng khí oxy áp lực dương và mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

PHẦN 6: Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố

Phòng ngừa đối với cá nhân Warn everybody of potential hazards and evacuate if necessary. Cung cấp hệ thống thông gió tốt. Không hút thuốc, đánh lửa, lửa trần hoặc các nguồn cháy khác gần chỗ tràn đổ. Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này. Tránh hít phải hơi và tiếp xúc với da và mắt.

Các cảnh báo về môi trường

Phòng ngừa về môi trường Tránh tràn đổ hoặc chảy xuống ống thoát nước, cống rãnh hoặc kênh rạch. Tràn đổ và xả thải không kiểm soát vào nguồn nước phải được báo cáo ngay lập tức với Cục Môi trường hoặc cơ quan quản lý thích hợp khác.

Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố

Các biện pháp vệ sinh Hấp thụ chất tràn đổ với chất liệu hấp thụ không dễ cháy. Thu gom và đổ vào các thùng chứa chất thải phù hợp và niêm phong kín. Các thùng chứa chất bị tràn đổ phải được ghi nhãn đúng quy cách với thành phần chính xác và ký hiệu nguy hại.

Tham chiếu đến các phần khác

Tham chiếu đến các phần khác Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này. Xem Phần 11 để biết thêm thông tin về nguy hại sức khỏe.

PHẦN 7: Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm

MA3940 ADHESIVE

Biện pháp phòng ngừa khi sử dụng Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này. Warn everybody of potential hazards and evacuate if necessary. Do not breathe vapour. Take precautionary measures against static discharges. Các bể chứa và thùng chứa trong lưu trữ phải được nối với đất. Không hút thuốc, đánh lửa, lửa trần hoặc các nguồn cháy khác gần chỗ tràn đổ. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản

Phòng ngừa khi lưu trữ Lưu trữ trong thùng chứa gốc ban đầu, đóng kín, ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt. Không lưu trữ gần các chất liệu không tương thích (xem Phần 10).

Mục đích sử dụng cuối cùng

Mục đích sử dụng cuối cùng Các công dụng đã được xác định của sản phẩm này được trình bày trong Phần 1.

PHẦN 8: Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Các thông số kiểm soát

Ngưỡng giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp

METHYL METHACRYLATE

Giới hạn phơi nhiễm dài hạn (8-giờ TWA): 50 mg/m³

Giới hạn phơi nhiễm ngắn hạn (15-phút): 150 mg/m³

Chú thích về thành phần WEL = Workplace Exposure Limits

Kiểm soát phơi nhiễm

Thiết bị bảo hộ



Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực.

Bảo hộ mắt/mặt

Phải đeo kính theo tiêu chuẩn đã được phê duyệt nếu đánh giá rủi ro chỉ ra việc tiếp xúc với mắt có thể xảy ra. Trừ khi việc đánh giá cho thấy cần một mức độ bảo vệ cao hơn, nên đeo thiết bị bảo hộ sau đây: Kính bảo hộ bó sát. Phải đeo thiết bị bảo hộ cá nhân cung cấp sự bảo vệ mắt và mặt phù hợp.

Bảo hộ tay

Đeo găng tay bảo hộ làm từ chất liệu sau: Rubber or plastic. Để bảo vệ tay khỏi hóa chất, đeo găng tay đã được chứng minh là kháng hóa chất và chống ăn mòn. Găng tay được lựa chọn phải có thời gian thẩm thấu ít nhất 8 giờ.

Bảo hộ khác cho da và cơ thể

Mặc bộ bảo hộ hóa chất.

Biện pháp vệ sinh cá nhân

Cung cấp nơi để rửa mắt và tắm. Tránh xa thực phẩm, đồ uống và đồ ăn cho động vật. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt. Rửa tay và các chỗ bị nhiễm hóa chất trên cơ thể với xà phòng và nước trước khi rời khỏi khu làm việc. Do not eat, drink or smoke when using the product. Thay quần áo làm việc hằng ngày trước khi rời nơi làm việc.

Bảo vệ đường hô hấp

Nếu hệ thống thông gió kém, phải đeo thiết bị bảo hộ hô hấp phù hợp. Việc lựa chọn mặt nạ phải dựa trên mức độ phơi nhiễm, nguy hại của sản phẩm và giới hạn an toàn nơi làm việc của mặt nạ được chọn lựa. Mặt nạ phải vừa với khuôn mặt và bộ lọc phải được thay thường xuyên. Đeo mặt nạ hợp với bộ lọc sau: Bộ lọc khí, loại A2. Phải sử dụng mặt nạ hô hấp nửa mặt và một phần tư mặt với hộp lọc có thể thay thế được phù hợp với mục đích sử dụng.

PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất

MA3940 ADHESIVE

Bề ngoài	Bột nhão.
Màu sắc	Trắng/trắng đục.
Mùi đặc trưng	Mùi gắt nhẹ.
Độ pH	pH (dung dịch đậm đặc): 7 @ 20 °C
Điểm nóng chảy	-47.7°C
Điểm sôi ban đầu và khoảng sôi	101°C @
Điểm cháy	10°C
Tỷ lệ hóa hơi	3 (butyl acetate =1)
Giới hạn cháy/nổ trên/dưới	Giới hạn cháy/nổ dưới: 1.7 Giới hạn cháy/nổ trên: 12.5
Áp suất hóa hơi	28mmHg @ °C
Tỷ trọng hơi	3.5
Tỷ trọng tương đối	.93 - 1.05 @ @ 20 °C°C
<u>Thông tin khác</u>	
Thông tin khác	Không có.

PHẦN 10: Mức độ ổn định và phản ứng của hóa chất

Khả năng phản ứng	Chất oxy hóa mạnh. Chất khử mạnh.
Tính ổn định	Bền ở nhiệt độ thường và được sử dụng như khuyến nghị.
Khả năng phản ứng nguy hiểm	Có thể polyme hóa.
Các điều kiện cần tránh	Tránh nhiệt, ngọn lửa và các nguồn phát lửa khác. Tránh nhiệt độ quá cao trong khoảng thời gian kéo dài.
Các vật liệu cần tránh	Tránh tiếp xúc với chất oxy hóa. Chất khử mạnh.
Các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	Oxit của cacbon. Thermal decomposition or combustion may liberate carbon oxides and other toxic gases or vapours.

PHẦN 11: Thông tin về độc tính**Thông tin về tác động của độc tính****Độc cấp tính - qua đường miệng**

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường miệng (mg/kg) 5.555,56

Đường thở	Hơi có thể tác động đến hệ thần kinh trung ương. Những triệu chứng sau khi phơi nhiễm quá mức có thể bao gồm những điều sau: Đau đầu. Buồn nôn, nôn mửa. Nhiễm độc. Có thể gây cảm giác khó chịu.
Tiếp xúc với da	Gây kích ứng da. Có thể gây mẫn cảm khi tiếp xúc với da. Có thể gây mẫn cảm hoặc phản ứng dị ứng ở những người mẫn cảm.
Tiếp xúc với mắt	Gây kích ứng cho mắt.

MA3940 ADHESIVE

Cơ quan cụ thể Phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp lại có thể gây ra những tác hại sau: Có thể gây hủy hoại gan và thận. Hệ hô hấp, phổi Hệ thần kinh trung ương

Thông tin về độc tính của các thành phần**METHYL METHACRYLATE****Tác nhân gây ung thư**

Tác nhân gây ung thư theo IARC IARC Nhóm 3 Không thể phân loại dựa vào đặc tính gây ung thư của nó đối với con người.

STYRENE-BUTADIENE BLOCK COPOLYMER**Tác nhân gây ung thư**

Tác nhân gây ung thư theo IARC IARC Nhóm 3 Không thể phân loại dựa vào đặc tính gây ung thư của nó đối với con người.

PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

Độc tính môi sinh Không phát thải ra môi trường.

Độc tính Không được cho là gây độc cho cá.

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy Methyl methacrylate monomer : Biochemical oxygen demand within 5 days (BOD5) = .14 g/g - 0.9 g/g.

Khả năng tích lũy sinh học

Khả năng tích lũy sinh học Không có dữ liệu về độ tích tụ sinh học.

Độ linh động trong đất

Độ linh động Không xả thải vào ống thoát nước hoặc hệ thống nước hoặc trên mặt đất.

Các tác hại khác

Các tác hại khác Không có.

PHẦN 13: Thông tin về thải bỏ**Các biện pháp xử lý chất thải**

Thông tin chung Chất thải được phân loại là chất thải nguy hại. Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.

Các phương pháp thải bỏ Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.

Nhóm chất thải 08 04 09

PHẦN 14: Thông tin khi vận chuyển

Chung Không có thông tin khác.

Số UN

Số UN (Đường bộ/Đường sắt) 1133

Số UN (IMDG) 1133

Số UN (ICAO) 1133

Tên phương tiện vận chuyển đường biển

MA3940 ADHESIVE

Tên phương tiện vận chuyển (Đường bộ/Đường sắt) ADHESIVES

Tên phương tiện vận chuyển (IMDG) ADHESIVES

Tên phương tiện vận chuyển (ICAO) ADHESIVES

Loại nhóm hàng nguy hiểm trong vận chuyển

Nhóm Đường bộ/Đường sắt 3

Nhãn Đường bộ/Đường sắt 3

Nhóm IMDG 3

Nhóm/ mục ICAO 3

Nhãn vận chuyển

**Quy cách đóng gói (nếu có)**

Quy cách đóng gói Đường bộ/Đường sắt II

Quy cách đóng gói IMDG II

Quy cách đóng gói ICAO II

Độc môi trường (chất ô nhiễm đại dương)

Chất gây nguy hại cho môi trường/ chất ô nhiễm thủy sinh

Không.

Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý, cần tuân thủ trong vận chuyển.

EmS F-E, S-D

Số nhận dạng nguy hại (Đường bộ/Đường sắt) 33

Vận chuyển trong tàu lớn Không yêu cầu dữ liệu thông tin.

PHẦN 15: Thông tin về pháp luật**PHẦN 16: Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất**

Ngày sửa đổi 18/03/2021

Sửa đổi 14

Ngày thay thế 05/04/2018

Câu cảnh báo nguy hại đầy đủ H225 Hơi và chất lỏng rất dễ cháy.
H302 Có hại nếu nuốt phải.
H315 Gây kích ứng da.
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H335 Có thể gây kích ứng hô hấp.

MA3940 ADHESIVE

Thông tin này chỉ áp dụng cho chất liệu cụ thể được ghi rõ và có thể vô giá trị khi chất liệu này được sử dụng kết hợp với chất liệu khác hoặc trong quá trình khác. Thông tin này, dựa trên kiến thức tốt nhất và niềm tin của công ty, là chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày được ghi. Tuy nhiên, không có bảo đảm hoặc tuyên bố chính thức nào về tính chính xác, độ tin cậy hoặc tính trọn vẹn của thông tin. người sử dụng tự có trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin phù hợp với yêu cầu sử dụng riêng của bản thân.